



BỆNH TÍCH ĐẠI THỂ Ở VỊT ĐƯỢC MỔ KHÁM TẠI Lò MỔ GIA CẦM THÀNH PHỐ CAO LÃNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Phúc Khánh¹, Trần Ngọc Bích¹ và Nguyễn Thu Tâm¹

¹ Khoa Nông nghiệp & Sinh học Ứng dụng, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 26/9/2014

Ngày chấp nhận: 07/11/2014

Title:

Gross lesions of ducks slaughtered at poultry slaughter-house in Cao Lanh- Dong Thap Province

Từ khóa:

Bệnh tích đại thể, vịt, lò mổ gia cầm, Cao Lãnh

Keywords:

Gross lesions, ducks, poultry slaughter-houses, Cao Lanh

ABSTRACT

Investigation the gross lesions of ducks slaughtered at poultry slaughter-houses in Cao Lanh city to determine the proportion of lesions and kind of lesions in slaughtered ducks. Through the survey of 500 ducks in poultry slaughter-house, the results were recorded: The proportion of lesions was 38.6%. In particular, lesions occurred in an organ accounted for 46.1%, lesions in two organs accounted for 39.9%, lesions in three organs accounted for 11.4% and lesions in four organs were 2.6%. The proportion of lesions in digestive system and respiratory system was highest (33.6% and 18.4%, respectively). The proportion of lesions occurred in circulatory system and urinary and genital systems were lower (7.4% and 2.6%, respectively). For lesions in the digestive system, the proportion of lesions in liver was highest, accounting for 55.3%, followed by the intestinal lesions accounted for 23.9%; the proportion of lesions in spleen was 17%, the pancreatic lesions was lowest with 3.8%. Hemorrhagic lesions occurred in most parts of the digestive system. The proportion of hemorrhage in liver, intestine, spleen and pancreas was 29.2%, 15.5%, 5.3% and 3.8%, respectively.

TÓM TẮT

Khảo sát bệnh tích đại thể trên vịt được giết mổ tại lò mổ gia cầm Thành phố Cao Lãnh nhằm xác định tỷ lệ bệnh tích và các dạng bệnh tích thường xuất hiện trên vịt sau khi giết mổ. Qua mổ khám 500 con vịt ở lò mổ gia cầm thu được kết quả: Tỷ lệ vịt có bệnh tích là 38,6%. Trong đó, bệnh tích 1 cơ quan chiếm tỷ lệ 46,1%, bệnh tích 2 cơ quan chiếm tỷ lệ 39,9%, bệnh tích 3 cơ quan chiếm tỷ lệ 11,4% và bệnh tích 4 cơ quan chiếm tỷ lệ 2,6%. Tỷ lệ xuất hiện bệnh tích trên vịt ở hai hệ tiêu hóa và hô hấp chiếm khá cao với tỷ lệ lần lượt là 33,6% và 18,4%. Tỷ lệ bệnh tích xuất hiện trên hệ tuần hoàn và niệu, sinh dục chiếm tỷ lệ thấp (7,4% và 2,6%). Đối với bệnh tích ở hệ tiêu hóa, tỷ lệ bệnh tích trên gan là cao nhất, chiếm tỷ lệ 55,3%, kể đến là bệnh tích trên ruột chiếm tỷ lệ 23,9%; bệnh tích trên lách chiếm tỷ lệ 17%, thấp nhất là bệnh tích trên tụy với tỷ lệ bệnh tích là 3,8%. Bệnh tích xuất huyết xuất hiện ở hầu hết các bộ phận của hệ tiêu hóa. Gan xuất huyết chiếm tỷ lệ là 29,2%, ruột xuất huyết chiếm tỷ lệ 15,5%, lách xuất huyết chiếm tỷ lệ 5,3%, và tụy xuất huyết chiếm tỷ lệ 3,8%.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Sản phẩm từ gia cầm ngon, giàu dinh dưỡng và có giá trị kinh tế cao. Chính vì vậy, trong những năm qua ngành chăn nuôi gia cầm ở nước ta không ngừng phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, chất lượng và quy mô. Tuy nhiên, chăn nuôi vịt còn gặp nhiều khó khăn do thói quen và tập quán của nhà chăn nuôi là thích nuôi vịt chạy đồng. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến việc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có khả năng lây lan nhanh trên đàn gia cầm như: Cúm gia cầm, dịch tả, tụ huyết trùng và một số bệnh ký sinh trùng... Các bệnh trên không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả của nghề nuôi vịt, mà rộng hơn nó còn có tác động rất lớn đến sức khỏe cộng đồng (Hồ Thị Việt Thu, 2012). Cụ thể là đại dịch cúm gia cầm, gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng. Để biết gia cầm có bệnh hay không, nếu như chỉ sử dụng các phương pháp khoa học trong phòng thí nghiệm, thì sẽ tốn rất nhiều thời gian và chi phí. Vì thế, một phương pháp kiểm tra rất hiệu quả và chính xác, mà lại có thể tiết kiệm được thời gian và chi phí, đó là phương pháp mổ khám. Mổ khám, giúp cho thú y viên và nhà chăn nuôi có thể trực tiếp nhận dạng và chẩn đoán ra các bệnh, mà gia cầm có thể mắc phải, trong thời gian ngắn nhất, dựa qua các dấu hiệu bệnh tích, ở cơ thể gia cầm.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Nội dung nghiên cứu

Khảo sát bệnh tích đại thể trên vịt được giết mổ tại lò mổ gia cầm thành phố Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

a. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là vịt được mang đến giết mổ tại lò giết mổ gia cầm thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

b. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp mổ khám theo tiêu chuẩn mổ khám của Chi cục Thú y và thu thập số liệu

Cách tiến hành:

Bảng 1: Tỷ lệ bệnh tích xuất hiện trên vịt sau khi mổ khảo sát

SKT	SCBT	TL (%)	BT 1 hệ		BT 2 hệ		BT 3 hệ		BT 4 hệ	
			Số có BT	TL (%)	Số có BT	TL (%)	Số có BT	TL (%)	Số có BT	TL (%)
500	193	38,6	89	46,1	77	39,9	22	11,4	5	2,6

Chú thích: SKT: Số vịt kiểm tra

SCBT: Số vịt có bệnh tích

TL: Tỷ lệ

BT: Bệnh tích

Cắt tiết: cắt mạch máu cổ

Kiểm tra những bệnh tích xuất hiện bên dưới da, cơ (cơ ngực, cơ đùi) bằng cách bóc lộ da vùng ngực và đùi.

Mổ lật ngực để bóc lộ các nội quan bên trong và tiến thành ghi nhận bệnh tích trên từng cơ quan:

Xác định trạng thái túi khí (trong, đục, có fibrin,...) bằng cách mổ lật ngực.

Xác định những bệnh tích xuất hiện trên khí quản (dịch nhày, tụ huyết, xuất huyết, ký sinh trùng,...), thực quản (sung huyết-xuất huyết, viêm, giun sán ký sinh,...) sau khi bóc lộ khí quản, thực quản.

Xác định bệnh tích xuất hiện ở phổi: đánh giá trạng thái cứng hay mềm, tụ huyết, sung huyết-xuất huyết, viêm,... bằng cách quan sát bề mặt, sờ nắn trạng thái và mổ khám bên trong phổi.

Xác định bệnh tích ở tim: quan sát, sờ nắn và mổ khám bên trong để kiểm tra các dạng bệnh tích xuất hiện ở tim như: tích nước xoang bao tim, xuất huyết mô vành tim, fibrin,...

Xác định bệnh tích ở gan (sung huyết-xuất huyết, hoại tử điểm, fibrin), lách (sung, hoại tử, xuất huyết), thận (sung, tụ máu), buồng trứng (trứng non méo mó, xanh đen, hoại tử, ống dẫn trứng biến dạng), thực quản bằng cách quan sát, sờ nắn và mổ khám.

Xác định bệnh tích xuất hiện ở dạ dày, ruột, hậu môn và túi fabricius (sung huyết-xuất huyết, giun sán ký sinh, loét, hoại tử,...) bằng cách quan sát trạng thái, sờ nắn và mổ khám.

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Tình hình nhiễm bệnh và tỷ lệ xuất hiện bệnh tích ghép ở vịt

Qua mổ khám 500 con vịt từ nhiều nguồn khác nhau được mang đến giết mổ tại lò mổ Thành phố Cao Lãnh cho thấy có 193 con có bệnh tích chiếm tỷ lệ là 38,6% (Bảng 1).

So với kết quả mổ khám trước đó của Cao Thanh Hoàn (2012), mổ khám 78 con vịt ở Huyện Cao Lãnh phát hiện có 52 con có bệnh tích chiếm tỷ lệ 66,7% và Đinh Minh Ngọc (2012), mổ khám 40 con vịt phát hiện có 25 con có bệnh tích, chiếm tỷ lệ 62,5%. Tỷ lệ vịt có bệnh tích xuất hiện của khảo sát là thấp hơn. Nguyên nhân có thể do người chăn nuôi hiểu biết hơn trong việc vệ sinh, phòng và chữa bệnh vật nuôi.

Bảng 1 còn thể hiện bệnh tích xuất hiện trên gia cầm không chỉ đơn thuần ở 1 hệ cơ quan mà thường kết hợp ở nhiều hệ cơ quan, có khi bệnh tích thể hiện ở cả 4 hệ cơ quan. Qua khảo sát cho thấy trong số 500 con vịt mổ khảo sát có 193 con vịt có bệnh tích. Trong đó có 89 con có bệnh tích ở 1 hệ cơ quan chiếm tỷ lệ 46,1%; 77 con xuất hiện bệnh tích ghép ở 2 hệ cơ quan chiếm tỷ lệ 39,9%; 22 con có bệnh tích ở 3 hệ cơ quan chiếm tỷ lệ 11,4%; và 5 con có bệnh tích ghép 4 hệ cơ quan chiếm tỷ lệ 2,6%. Do đó, trong vấn đề chẩn đoán bệnh không chỉ đơn thuần dựa vào một triệu chứng hoặc một bệnh tích mà phải kết hợp những triệu chứng, bệnh tích lại với nhau. Kết quả còn cho thấy vịt mang đến giết mổ tại cơ sở không chỉ nhiễm 1 bệnh mà có thể là nhiễm cùng một lúc nhiều bệnh với nhau.

Bảng 2: Tỷ lệ bệnh tích trên các hệ cơ quan của vịt

SKT	Hệ tiêu hóa		Hệ hô hấp		Hệ tuần hoàn		Hệ tiết niệu, sinh dục	
	Số có BT	TL (%)	Số có BT	TL (%)	Số có BT	TL (%)	Số có BT	TL (%)
500	168	33,6	92	18,4	37	7,4	13	2,6

Chú thích: SKT: Số vịt kiểm tra

TL: Tỷ lệ

BT: Bệnh tích

3.3 Tình hình bệnh tích xuất hiện trên các cơ quan của hệ tiêu hóa

Qua kết quả Bảng 3 cho thấy tỷ lệ bệnh tích trên gan là cao nhất chiếm tỷ lệ 55,3% (trong bệnh tích xuất hiện trên hệ tiêu hóa), kế đến là bệnh tích trên ruột chiếm tỷ lệ 23,9%; bệnh tích trên lách, chiếm tỷ lệ 17%. Thấp nhất là bệnh tích trên tụy với tỷ lệ bệnh tích là 3,8%.

So với kết quả mổ khám 78 con vịt của Cao Thanh Hoàn (2012), bệnh tích trên gan chiếm tỷ lệ 39,4%, bệnh tích trên ruột chiếm tỷ lệ 23,9%, và bệnh tích trên lách chiếm tỷ lệ là 36,7%. Kết quả mổ khám 40 con vịt của Đinh Minh Ngọc (2012), với bệnh tích trên gan chiếm tỷ lệ 39%, bệnh tích trên ruột chiếm tỷ lệ 23,8%, và bệnh tích trên lách chiếm tỷ lệ 37,2%. Kết quả mổ khám ở hệ tiêu hóa của vịt tại lò mổ TPCL phù hợp với những kết quả của Cao Thanh Hoàn và Đinh Minh Ngọc (2012).

3.2 Tình hình bệnh tích trên các cơ quan của vịt được mổ khám

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy tỷ lệ xuất hiện bệnh tích trên vịt ở hai hệ tiêu hóa và hô hấp chiếm khá cao, với tỷ lệ bệnh tích lần lượt là 33,6% và 18,4%. Trong khi đó, tỷ lệ bệnh tích trên hệ tuần hoàn và niệu, sinh dục chiếm tỷ lệ thấp hơn với tỷ lệ lần lượt là 7,4% và 2,6%. So với kết quả mổ khám của Cao Thanh Hoàn (2012), tỷ lệ bệnh tích xuất hiện ở hệ tiêu hóa là 47,3%, tỷ lệ bệnh tích trên hệ hô hấp là 47,3% và bệnh tích trên hệ niệu, sinh dục là 5,4%. Như vậy, kết quả tỷ lệ vịt ở lò mổ gia cầm tại thành phố Cao Lãnh có bệnh tích trên hai hệ tiêu hóa và hô hấp là rất cao, riêng tỷ lệ bệnh tích trên hệ niệu, sinh dục thì thấp hơn, kết quả này cũng phù hợp so với kết quả mổ khám của Cao Thanh Hoàn (2012). Bệnh tích xuất hiện ở hai hệ tiêu hóa và hô hấp với tỷ lệ cao có thể là do: đầu tiên thức ăn và không khí từ môi trường ngoài sẽ đi vào hệ thống tiêu hóa và hô hấp. Trường hợp thức ăn hoặc không khí có mang mầm bệnh, đầu tiên những mầm bệnh này sẽ tấn công những mô, tổ chức của cơ quan hệ tiêu hóa (dạ dày, ruột, gan...) và hệ hô hấp (khí quản, phổi). Sau đó mầm bệnh sẽ tiếp tục theo máu đến các cơ quan khác như tim, thận.

Tỷ lệ bệnh tích xuất hiện nhiều trên hệ tiêu hóa vẫn là gan và ruột, bệnh tích xuất hiện nhiều trên gan và ruột có thể do: Gan là cơ quan có vai trò rất quan trọng trong cơ thể, ở gan diễn ra nhiều quá trình chuyển hóa phức tạp và rất nhạy cảm với tình trạng hoạt động chung của cơ thể. Gan được xem là rào chắn mầm bệnh, độc tố xâm nhập vào cơ thể. Do đó khi vịt bị bệnh, sức đề kháng yếu thì mầm bệnh sẽ xâm nhập và gây bệnh, đặc biệt là gây tổn thương gan. Ruột là cơ quan dài nhất, thực hiện chức năng tiêu hóa, vận chuyển và hấp thụ thức ăn. Trường hợp vịt bị bệnh, sức đề kháng giảm, khả năng tiêu hóa thức ăn kém hoặc không tiêu hóa thức ăn, thức ăn sẽ lên men và sinh độc tố. Yếu tố này tác động đến niêm mạc ruột và gây tổn thương ruột. Ngoài ra kí sinh trùng như giun sán và ấu trùng kí sinh ở ruột cũng là nhân tố gây tổn thương ruột ở vịt.

Bảng 3: Tỷ lệ các dạng bệnh tích xuất hiện trên hệ tiêu hóa

Các dạng BT	Ruột		Gan		Lách		Tụy		Phổi		Khí quản	
	Số có BT	TL (%)	Số có BT	TL (%)	Số có BT	TL (%)	Số có BT	TL (%)	Số có BT	TL (%)	Số có BT	TL (%)
Xuất huyết	61	15,5	115	29,2	21	5,3	15	3,8	46	34,6	62	46,6
Sung huyết	-	-	41	10,4	39	9,9	-	-	-	-	-	-
Viêm	4	1,0	30	7,6	3	0,8	-	-	3	2,3	-	-
Nhạt màu	-	-	18	4,6	-	-	-	-	12	9,0	-	-
Hoại tử	-	-	14	3,5	4	1,0	-	-	10	7,5	-	-
Sán dây	29	7,4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	94	23,9	218	55,3	67	17,0	15	3,8	71	53,4	62	46,6

Chú thích: TL: Tỷ lệ

BT: Bệnh tích

-: không phát hiện

Tỷ lệ bệnh tích chủ yếu trên ruột là xuất huyết chiếm tỷ lệ 15,5%, kế đến là nhiễm kí sinh trùng chiếm tỷ lệ 7,4%, thấp nhất là viêm chiếm tỷ lệ 1%. Bệnh tích trên gan có các dạng như: xuất huyết, sung huyết, viêm, gan nhạt màu và hoại tử. Trong đó, bệnh tích xuất huyết ở gan là cao nhất (29,2%); thấp nhất là hoại tử (3,5%). Các dạng

bệnh tích khác trên lách và tụy chiếm tỷ lệ thấp hơn được trình bày chi tiết ở Bảng 3. Những dạng bệnh tích xuất hiện trên phổi là xuất huyết, nhạt màu, viêm và hoại tử. Trong đó, bệnh tích phổi xuất huyết chiếm tỷ lệ rất cao (34,6%). Khí quản chỉ xuất hiện 1 dạng bệnh tích là xuất huyết chiếm tỷ lệ 46,6%.



Hình 1: Gan vịt bị xuất huyết



Hình 2: Gan vịt bị hoại tử



Hình 3: Lách vịt bị sung huyết



Hình 4: Khí quản vịt bị xuất huyết

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Thanh Hoàn (2012), Luận văn thạc sĩ Khoa học Nông nghiệp, ngành Thú y, Khoa NN & SHƯĐ Trường Đại học Cần Thơ.

2. Đinh Minh Ngọc (2012), Luận văn Đại học, ngành Thú y, Trường Đại học Cần Thơ.
3. Hồ Thị Việt Thu (2012). Giáo trình bệnh gia cầm, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.